

Bản án số: **417** /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25/8/2017.
V/v: “Không công nhận vợ chồng
giữa: bà Y và ông D”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chót
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 381/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2017 về việc: “Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2206/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1963.
 2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn D, sinh năm: 1965.
- Cùng ngụ tại địa chỉ: số nhà 108/2, ấp X, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre.
(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2017, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Y trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn D tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1987 nhưng bà không nhớ cụ thể là ngày, tháng nào, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu bà và ông D sống với nhau hạnh phúc, nhưng từ tháng 01 năm 2016 thì bà và ông D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và từ đó đến nay vợ chồng bà đã sống ly thân, ông D bỏ nhà đi một thời gian không nói gì với bà, sau đó có trở về nhà nhưng khi trở về thì hay gây gổ kiếm chuyện chửi bới, nhục mạ, hăm dọa, xúc phạm đến danh dự của bà, bà đã nhiều lần bỏ qua nhưng ông D vẫn không thay đổi. Nay bà xác định không còn tình cảm gì với

ông D nên bà yêu cầu Tòa giải quyết không công nhận bà và ông Nguyễn Văn D là vợ chồng.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Văn Lượm, sinh ngày 03/6/1990 và Nguyễn Thị Ngọc Hân, sinh ngày 10/6/1995, hiện hai con chung đã trưởng thành, bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: bà và ông D có tài sản chung nhưng bà và ông D tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà và ông D không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên Tòa bị đơn Nguyễn Văn D trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Y tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới hai vợ chồng sống chung rất hạnh phúc nhưng khoảng hơn một năm nay vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân nhưng lý do vợ chồng ly thân là do ông đi làm ăn xa, do trong thời gian này ông bị bệnh nên khi về nhà ông không có tiền đưa cho bà Y nên bà Y nghi ngờ ông có quan hệ với người phụ nữ khác. Ông cũng thừa nhận khi ông bỏ nhà đi không có nói trước cho bà Y biết và mỗi lần về nhà có cự cãi lớn tiếng, chửi mắng, hăm dọa bà Y nhưng theo ông đây chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt, thường xảy ra trong đời sống vợ chồng.

Nay bà Y yêu cầu Tòa không công nhận vợ chồng với ông thì ông không đồng ý vì ông vẫn còn yêu thương bà Y và ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa nghiêm trọng đến mức phải chấm dứt hôn nhân. Nếu trong trường hợp Tòa giải quyết không công nhận ông và bà Y là vợ chồng thì về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Văn Lượm, sinh ngày 03/6/1990 và Nguyễn Thị Ngọc Hân, sinh ngày 10/6/1995, hai con chung của ông và bà Y đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: do ông không đồng ý chấm dứt quan hệ vợ chồng với bà Y nên ông không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản. Nếu Tòa không công nhận ông và bà Y là vợ chồng thì về tài sản chung ông và bà Y tự thỏa thuận với nhau về tài sản không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông và bà Y không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Văn D tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 1987 nhưng không có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật và ông D bà Y cũng không nhớ cụ thể ngày, tháng ông, bà bắt đầu chung sống nên không thể xác định đây là hôn nhân thực tế. Xét thấy bà Y và ông D có đủ điều kiện

đăng kí kết hôn nhưng không đăng kí kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình.

[2] Tại tòa bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Văn D đều xác định thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng nhiều năm trở lại đây thì hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị Y cho rằng do anh D đã bỏ nhà đi không còn quan tâm đến bà, khi trở về thì chửi bới, hăm dọa và có những lời lẽ xúc phạm đến danh dự bà nên bà không thể tiếp tục cuộc sống chung với ông D nên bà Y yêu cầu Tòa không công nhận bà và ông D là vợ chồng. Xét yêu cầu trên của bà Y Hội đồng xét xử nhận thấy: Tuy trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, ông D không đồng ý chấm dứt mối quan hệ vợ chồng với bà Y nhưng ông D đã thừa nhận trong thời gian chung sống ông và bà Y có mâu thuẫn, cãi vã, hăm dọa và trong lúc nóng giận có những lời lẽ xúc phạm bà Y; hơn một năm nay ông và bà Y không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Y và ông D đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống chung. Do đó, bà Y yêu cầu không công nhận bà và ông D là vợ chồng là có căn cứ và phù hợp với Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: ông D và bà Y có 02 con chung là Nguyễn Văn Lượm, sinh ngày 03/6/1990 và Nguyễn Thị Ngọc Hân, sinh ngày 10/6/1995, cả hai con chung đều đã trưởng thành, bà Y và ông D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: bà Y và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: bà Y và ông D không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6] Bà Y phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 53, Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1.Về hôn nhân: không công nhận bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Văn D là vợ chồng.

2. Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Văn Lượm, sinh ngày 03/6/1990 và Nguyễn Thị Ngọc Hân, sinh ngày 10/6/1995. Hai con chung đều đã trưởng thành, bà Y và ông D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: bà Y và ông D tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: bà Y và ông D trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình: bà Nguyễn Thị Y phải nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0010607 ngày 05 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã TT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Đào Hồng Vân

